

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HS-ST
Ngày 27/10/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Sự

2. Ông Trần Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/TLST-HS ngày 04/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HS ngày 14/10/2022, đối với bị cáo:

Hà Văn D; Sinh năm 1981 tại Thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKTT: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm văn hóa - TTTT - Du lịch huyện Mường Lát; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn L, sinh năm: 1961, Con bà: Đinh Thị V, sinh năm: 1960. Vợ: Hà Thị L, sinh năm: 1984 (đã ly hôn). Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/6/2022 chuyển tạm giam ngày 23/6/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:** Anh Thao Văn C, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Ngọc K – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lương Văn N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố Piềng Mòn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 6 năm 2022, khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, lực lượng Bộ đội Biên phòng Pù Nhi phát hiện một người đàn ông đi xe máy có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm ma túy, nên đã ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra, qua kiểm tra người đàn ông khai tên Hà Văn D, sinh năm 1981, trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tiếp tục kiểm tra thì phát hiện bên trong bàn tay trái của Hà Văn D có 01 gói nilon màu hồng, bên trong chứa 02 viên nén màu hồng, hình trụ tròn, dạng nén, trên bề mặt mỗi viên dập ký hiệu WY và 02 gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói đựng các cục vụn màu trắng, D khai những tang vật này đều là ma túy. Tổ công tác tuyên bố bắt người phạm tội quả tang, thu giữ các tang vật liên quan và đưa bị cáo về Đoàn biên phòng Pù Nhi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Sau khi bị bắt, tại Cơ quan điều tra, Hà Văn D khai nhận: Khoảng 07 giờ, ngày 17/6/2022, khi D đang đi bộ ở thị trấn Mường Lát thì thấy anh Lương Văn N, sinh năm 1978, trú ở khu phố Piềng Mòn, thị trấn Mường Lát, là người quen của D đang đi xe máy, nên D đã hỏi mượn xe, nhưng D không nói đi đâu, làm gì. Anh Lương Văn N đồng ý cho D mượn xe, sau đó D đi vào bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát. Khi đến bản Pù Ngùa, D gặp người phụ nữ, không biết tên, D hỏi có biết chỗ nào mua ma túy không thì người phụ nữ gật đầu và nói bằng tiếng Mông, D không hiểu nhưng vẫn đưa cho người phụ nữ đó 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng) người phụ nữ cầm tiền và chỉ tay bảo D đứng chờ. Khoảng 40 phút sau người phụ nữ quay lại và đưa cho D 01 gói nilon màu đen, bên trong có lớp nilon màu hồng chứa 02 viên hồng phiến (Methamphetamine) và 02 gói nilon màu trắng chứa các cục vụn màu trắng, là Heroine. D cầm ma túy trên tay trái rồi quay xe chuẩn bị về thì bị bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 2167/KL - KTHS ngày 18/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 02 (Hai) viên nén màu hồng hình tròn dẹt, ký hiệu WY của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,189g (Không thấy một tám chín gam) loại: Methamphetamine.

- Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,474 (Không thấy bốn bảy bốn gam) loại: Heroine.

Tổng khối lượng hai chất ma túy của Hà Văn D là 0,663g (Không thấy sáu trăm sáu ba gam).

Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 62/CT-VKS-ML ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tranh luận và luận tội: Tại phiên tòa. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều luật: Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về tội danh: Đề nghị tuyên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo từ **14** đến **18** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu đen, không có nắp đậy mặt sau, nhãn hiệu ITEL, số ITEL 351980109627267 và IMEI 351980105627275.

Đối với 01 chiếc xe máy WAVE, BKS 36K1 – 071.xx bị cáo mượn của anh Lương Văn N. Anh Lương Văn N không biết việc Hà Văn Dậu mượn xe đi mua ma túy, nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Lương Văn Nhất.

Về án phí: Bị cáo có tội, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy lâu năm, không kìm chế được, nên đã cố tình phạm tội. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xử mức án 12 tháng tù là phù hợp, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, miễn án phí cho bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số.

Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, không bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất có thể để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Ngày 17/6/2022, bị cáo mượn xe máy của anh Lương Văn N, đi từ thị trấn Mường Lát đến bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi mua ma túy của một người đàn bà nói tiếng Mông, không quen biết được 02 loại ma túy là Methamphetamine và Heroin. Tổng khối lượng 02 chất ma túy bị cáo tàng trữ là **0,663g** (Không phải sáu sáu ba gam) với mục đích sử dụng, không nhằm mục đích nào khác, bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân, năng lực trách nhiệm hình sự, đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự”, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người có nhận thức, có học thức, biết ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng ma túy sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng là tác nhân phát sinh các tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng, hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo thái độ ăn năn, hối cải. Nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khối lượng ma túy và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy; Thấy rằng đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với hành vi phạm tội, khối lượng chất ma túy thu giữ, đủ sức răn đe, phòng

ngừa chung. Đề nghị về hình phạt của người bào chữa cho bị cáo là chưa hợp lý, nên HĐXX không chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm Cán bộ Trung tâm văn hóa –TTTT- Du lịch huyện Mường Lát thu nhập thấp, hiện đã bị tạm ngừng việc, không được trả lương, ngoài ra hàng tháng bị cáo đang phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 1.000.000đ/tháng. Nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Lương Văn N trình bày: Anh đã nhận lại được chiếc xe máy, không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo Hà Văn D, nên HĐXX không xét.

[7]. Xét về vật chứng trong vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là chất nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen, không có nắp dây mặt sau, nhãn hiệu ITEL, số ITEL 351980109627267 và IMEI 351980105627275 thu giữ của bị cáo, đây không phải là công cụ, dụng cụ phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát đã trả lại 01 chiếc xe máy Honda, nhãn hiệu Wave Anpha, BKS 36K1-071.xx cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lương Văn N.

[8]. Xét về án phí: Bị cáo có tội, không thuộc diện được miễn án phí, nên buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

[9]. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[10]. Các nhận định khác:

Đối với người đàn bà nói tiếng Mông bán ma túy cho bị cáo, bị cáo khai nhận không biết địa chỉ của người này, việc mua bán không có ai chứng kiến. Do đó, Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh mở rộng điều tra vụ án.

Đối với anh Lương Văn N là người cho bị cáo Hà Văn D mượn xe máy, nhưng không biết D dùng xe máy đi mua ma túy, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về tội danh: Tuyên bị cáo: **Hà Văn D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Hà Văn D 16** (Mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (17/6/2022).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Trả lại cho bị cáo: 01 (Một) điện thoại di động màu đen, không có nắp dây mặt sau, nhãn hiệu ITEL, số ITEL 351980109627267 và IMEI 351980105627275.

Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành sau đám định ghi vụ Hà Văn D được dán kín, niêm phong

bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Trương Văn D và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng kể trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 56/QĐ-VKS-ML, ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số: 04/2023/TV-CCTHADS ngày 03/10/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hà Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt Bị cáo, có mặt Người bào chữa cho bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Phòng KTNV- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 7 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm giữ - Công an H. Mường Lát;
- CQ THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Bộ phận Hồ sơ Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát;
- Chủ tịch UBND huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Dũng

